

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày 19-02-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Minh Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 19 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **236/2020/TLST-HNGĐ** ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn A, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị E, sinh năm 1983; nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng; hiện đang sinh sống tại: New Zealand; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 15-12-2020, bản tự khai và các văn bản khác nguyên đơn là anh Phạm Văn A trình bày:*

Anh A và chị Nguyễn Thị E tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng đến ngày 05-12-2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, anh A và chị E chung sống tại địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống những năm đầu hoà thuận, bình thường. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối

năm 2017. Nguyên nhân chính là do phong cách sống không còn phù hợp; vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế. Kể từ năm 2019, mâu thuẫn vợ chồng càng thẳng hơn do chị E đi sang Newzealand sinh sống. Tình cảm vợ chồng cũng vì thế mà ngày càng phai nhạt. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng khắc phục nên anh A và chị E đều thống nhất ly hôn.

*Tại Đơn đề nghị ngày 08-01-2021 và các văn bản khác - bị đơn chị Nguyễn Thị E trình bày:*

Chị E xác nhận mối quan hệ giữa chị E, anh A được xác lập như anh A trình bày.

Sau khi kết hôn, chị E và anh A chung sống hoà thuận. Đến cuối năm 2019, chị E sang New Zealand làm ăn, sinh sống. Đến cuối năm 2019 quan hệ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do quan điểm sống giữa hai bên bất đồng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ nên chị E và anh A thống nhất ly hôn. Do đang sinh sống tại nước ngoài, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án nên chị E đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hoà giải và xét xử vụ án vắng mặt chị E. Chị E uỷ quyền cho em gái là chị Nguyễn Thị Lan nhận thay các thông báo, quyết định và bản án của Tòa án. Chị E cam kết không kháng cáo bản án.

Về quan hệ nuôi con chung: Anh A và chị E xác nhận có 02 con chung là: Phạm Văn G, sinh ngày 06-8-2000 và Phạm Gia H, sinh ngày 01-11-2009. Trong trường hợp ly hôn, anh A và chị E thống nhất quan điểm để chị E trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Gia H, sinh ngày 01-11-2009 đến khi trưởng thành. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung anh A và chị E thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Phạm Văn G đã trưởng thành, nên anh A, chị E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Anh A và chị E thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Anh A, chị E vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, cam kết không kháng cáo bản án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Do điều kiện ở xa, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án nên chị E có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do điều kiện công việc, không thể có mặt tại phiên tòa xét xử vụ án nên anh A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đề nghị của anh A, chị E phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vụ án vắng mặt anh A, chị E.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị E kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng ngày 05-12-2002 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận. Đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn và đến năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng. Nguyên nhân chính là do quan điểm sống, lối sống không còn phù hợp. Nay cả anh A và chị E đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên đều thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm về việc ly hôn của anh A, chị E là tự nguyện; phù hợp với tình trạng thực tế mối quan hệ giữa họ và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ nuôi con chung: Anh A và chị E xác nhận quá trình chung sống có hai con chung là: Phạm Văn G, sinh ngày 06-8-2000 và Phạm Gia H, sinh ngày 01-11-2009. Con chung Phạm Văn G đã thành niên, các đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết. Đối với con chung Phạm Gia H, sinh ngày 01-11-2009, anh A và chị E thống nhất quan điểm giao cho chị E trực tiếp nuôi dưỡng. Quan điểm của anh A, chị E về việc nuôi con phù hợp nhau, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, các bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết. Anh A có quyền thăm nom con, chị E không được cản trở anh A thực hiện quyền này - Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Anh A và chị E thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Anh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật - Điều 146; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn A được ly hôn với chị Nguyễn Thị E.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 01-11-2009 cho chị Nguyễn Thị E được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, các bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Anh Phạm Văn A có quyền thăm nom con, chị Nguyễn Thị E không được cản trở anh Phạm Văn A thực hiện quyền này. Anh Phạm Văn A không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quan hệ tài sản chung: Anh Phạm Văn A và chị Nguyễn Thị E tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Phạm Văn A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0019185 ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Văn A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, anh Phạm Văn A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 01 tháng (Một tháng) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, chị Nguyễn Thị E có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Phương**